

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2021 - 2022

Khoa : Chất lượng cao

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Học bổng thủ khoa	Tổng cộng	Loại HB
1	453310	Phan Thị Hà	Linh	4533	16		4.00		94	9 500 000		9 500 000	Loại 1
2	453544	Trần Ngọc Minh	Châu	4535	16		3.91		85	9 500 000		9 500 000	Loại 1
3	453447	Phạm Hà	Phương	4534	16		3.89		91	9 500 000		9 500 000	Loại 1
4	453413	Đoàn Thảo	Ngọc	4534	16		3.85		93	9 500 000		9 500 000	Loại 1
5	453547	Lê Hồng	Anh	4535	16		3.85		92	6 500 000		6 500 000	Loại 2
6	453402	Nguyễn Thục	Anh	4534	16		3.83		86	6 500 000		6 500 000	Loại 2
7	453438	Phùng Diễm	Quỳnh	4534	16		3.83		91	6 500 000		6 500 000	Loại 2
8	453536	Nguyễn Thu	Trang	4535	16		3.83		89	6 500 000		6 500 000	Loại 2
9	453331	Nguyễn Minh	Trang	4533	16		3.79		94	6 500 000		6 500 000	Loại 2
10	453548	Nguyễn Huy	Mạnh	4535	16		3.79		85	6 500 000		6 500 000	Loại 2
11	453445	Lê Dương	Minh	4534	16		3.79		90	6 500 000		6 500 000	Loại 2
12	453439	Lê Phương	Nga	4534	16		3.79		91	6 500 000		6 500 000	Loại 2
13	453340	Đỗ Kiều	Anh	4533	16		3.79		91	6 500 000		6 500 000	Loại 2
14	453434	Đặng Thanh	Tâm	4534	16		3.78		91	3 500 000		3 500 000	Loại 3
15	453339	Trần Bích	Hằng	4533	16		3.78		88	3 500 000		3 500 000	Loại 3
16	453412	Nguyễn Thu	Ngân	4534	16		3.76		80	3 500 000		3 500 000	Loại 3
17	453326	Hà Minh	Phương	4533	16		3.76		90	3 500 000		3 500 000	Loại 3
18	453444	Nguyễn Cửu Đức	Khánh	4534	16		3.76		92	3 500 000		3 500 000	Loại 3
19	453632	Dương Thu	Hằng	4536	16		3.76		93	3 500 000		3 500 000	Loại 3
20	453534	Nguyễn Hà Ngọc	Anh	4535	16		3.76		91	3 500 000		3 500 000	Loại 3

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2021 - 2022

Khoa : Chất lượng cao

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Học bổng thủ khoa	Tổng cộng	Loại HB
21	453517	Bùi Bích	Huyền	4535	16		3.75		91	3 500 000		3 500 000	Loại 3
22	453401	Võ Minh	Trang	4534	16		3.74		87	3 500 000		3 500 000	Loại 3
23	453516	Trần Thị Hương	Giang	4535	16		3.74		91	3 500 000		3 500 000	Loại 3
24	453328	Đinh Nữ Quỳnh	Nga	4533	16		3.74		91	3 500 000		3 500 000	Loại 3
25	451414	Hà Ngọc	Anh	4534	18		3.73		77	3 500 000		3 500 000	Loại 3
26	453408	Lương Thanh	Giang	4534	16		3.73		86	3 500 000		3 500 000	Loại 3
27	453317	Phạm Đức	Minh	4533	16		3.73		88	3 500 000		3 500 000	Loại 3
28	453348	Bùi Huyền	Trang	4533	16		3.73		85	3 500 000		3 500 000	Loại 3
29	453346	Nguyễn Thảo	Vân	4533	16		3.73		91	3 500 000		3 500 000	Loại 3
30	453338	Nguyễn Hà	Vy	4533	16		3.73		91	3 500 000		3 500 000	Loại 3
31	453309	Nguyễn Phạm Xuân	Hà	4533	16		3.72		85	3 500 000		3 500 000	Loại 3
32	453614	Vũ Anh	Tuấn	4536	16		3.72		91	3 500 000		3 500 000	Loại 3
33	453519	Bùi Đình Phúc	Linh	4535	16		3.72		93	3 500 000		3 500 000	Loại 3
34	453437	Nguyễn Vi	Linh	4534	16		3.72		83	3 500 000		3 500 000	Loại 3
35	453341	Nguyễn Tuệ	Minh	4533	16		3.72		92	3 500 000		3 500 000	Loại 3
		Tổng								173 500 000		173 500 000	

Hà Nội, Ngày tháng năm 20...
HIỆU TRƯỞNG